

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số **178** /TTr-UBND

Thanh Hóa, ngày **30** tháng **11** năm **2016**

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị tán thành chủ trương thành lập  
các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh  
thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2035;

Căn cứ Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 – 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, tán thành chủ trương thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính như sau:

#### **I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT**

Thị xã Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 157/QĐ-HĐBT ngày 18/12/1981 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) bao gồm: thị trấn Sầm Sơn và 03 xã Quảng Tiến, Quảng Cư, Quảng Tường, xóm Vinh Sơn (xã Quảng Vinh) thuộc huyện Quảng Xương. Năm 1983, thành lập 02 phường Bắc Sơn và Trường Sơn trên cơ sở giải thể thị trấn Sầm Sơn theo Quyết định số 111/QĐ-HĐBT ngày 29/9/1983 của Hội đồng Bộ trưởng. Năm 1995, thành lập phường Trung Sơn trên cơ sở nguyên trạng xã Quảng Tường theo Nghị định số

85/CP ngày 06/12/1995 của Chính phủ. Năm 2009, thành lập phường Quảng Tiến trên cơ sở nguyên trạng xã Quảng Tiến theo Nghị định số 61/NQ-CP ngày 08/12/2009 của Chính phủ. Năm 2012, thị xã Sầm Sơn đã được công nhận là đô thị loại III. Năm 2015, các xã Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Minh, Quảng Vinh, Quảng Hùng, Quảng Đại được điều chỉnh về thị xã Sầm Sơn quản lý theo Nghị quyết số 935/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hiện tại, thị xã Sầm Sơn có diện tích tự nhiên 4.494,24 ha, dân số 150.902 người (96.359 người là dân số thường trú và 54.543 người là dân số quy đổi), 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 04 phường và 07 xã.

### **1. Lý do, sự cần thiết thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh**

Trong những năm qua, kinh tế - xã hội của các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh đã có bước phát triển mạnh mẽ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; tốc độ phát triển kinh tế các xã đều đạt khá; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; công tác văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao; xoá đói giảm nghèo được quan tâm chú trọng, tỷ lệ hộ nghèo của các xã ngày một giảm; giáo dục, y tế phát triển, đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, thời gian qua, tỉnh Thanh Hóa cũng đã tập trung huy động, kêu gọi thu hút nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn, hiện đại, từng bước hình thành hạ tầng và không gian đô thị trên địa bàn các xã; hệ thống công trình đô thị đã và đang được đầu tư xây dựng tiến tới đồng bộ; hệ thống giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới; các tuyến đường chính được chiếu sáng công cộng; các hộ dân cơ bản được sử dụng nước sạch; phần lớn rác thải được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

Là địa bàn giáp ranh với khu vực nội thị của thị xã Sầm Sơn và có vị trí địa lý thuận lợi tiếp giáp với thành phố Thanh Hóa, nên các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh chịu sự tác động của quá trình đô thị hóa cao đang diễn ra ở thị xã Sầm Sơn và thành phố Thanh Hóa. Trên địa bàn các xã đã và đang tiếp nhận các nguồn lực đầu tư và quá trình dịch chuyển dân cư từ khu vực nội thị, qua đó từng bước hình thành lõi sống đô thị tại khu vực này. Ngoài ra, do là nơi tập trung hàng ngàn cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, dự án du lịch như: Sân golf và khu nghỉ dưỡng quốc tế SamSon Golfink, Khu du lịch vịnh chài, Khu biệt thự cao cấp Hồng Thắng, Khu đô thị hai bên bờ sông Đơ, Trường trung cấp Phát thanh Truyền hình, Trường đào tạo nghề FLC, các nhà hàng, khách sạn ... nên đã làm tăng nhanh dân số cơ học do dân cư ở địa phương khác trong tỉnh về các xã để lao động, học tập, sinh sống; dẫn đến quy mô dân số, mật độ dân số tại các xã ngày càng tăng, dân cư chuyển sang sinh sống bằng các ngành nghề kinh doanh, thương mại, sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, làm tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp trên địa bàn các xã.

Tuy nhiên, những thay đổi về kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hoá đã và đang đặt ra cho các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh nhiều vấn đề mới cần giải quyết như: quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư theo mô hình đô thị; phòng chống các tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường. Từ những vấn đề này có thể thấy mô hình quản lý chính quyền nông thôn như hiện nay không còn phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế và tốc độ đô thị hoá diễn ra nhanh trên địa bàn các xã, đòi hỏi phải có mô hình chính quyền đô thị để quản lý. Thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã sẽ tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; đồng thời, thành lập các phường cũng phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Sầm Sơn, góp phần vào việc nâng cao tỷ lệ đô thị hoá của thị xã Sầm Sơn và của tỉnh Thanh Hóa đạt mục tiêu 35% vào năm 2020.

## **2. Lý do và sự cần thiết thành lập thành phố Sầm Sơn**

Thị xã Sầm Sơn là đô thị ven biển về phía Đông của tỉnh Thanh Hóa; là trung tâm du lịch, dịch vụ, nghỉ mát – nghỉ dưỡng nổi tiếng của tỉnh và cả nước; nằm trên trục kinh tế động lực Đông – Tây, tam giác tăng trưởng thành phố Thanh Hóa – Sầm Sơn – Nghi Sơn và chuỗi đô thị Sầm Sơn – thành phố Thanh Hóa – Lam Sơn Sao Vàng – Miền Tây; thị xã Sầm Sơn là đô thị động lực quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa, tác động đến sự phát triển của vùng Bắc Trung Bộ và Nam Bắc Bộ. Cách thành phố Thanh Hóa 16 km về phía Đông; có Quốc lộ 47, hai tuyến đại lộ rộng sáu làn xe chạy qua, Cảng Hới phục vụ khai thác vận chuyển hàng hoá, hải sản; thị xã Sầm Sơn là đầu mối giao thông quan trọng giữa thành phố Thanh Hóa với các huyện đồng bằng ven biển, giữa tỉnh Thanh Hóa với cả nước trên trục đường thủy Bắc – Nam.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương và tỉnh; cấp ủy, chính quyền, nhân dân thị xã Sầm Sơn đã có nhiều nỗ lực phấn đấu đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2010 – 2015 và 09 tháng đầu năm 2016 của thị xã Sầm Sơn đạt 18,8%; tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2015 đạt 4.320 tỷ đồng, trong đó: ngành thương mại - dịch vụ đạt 3.315 tỷ, ngành công nghiệp – xây dựng đạt 460 tỷ đồng, ngành nông – lâm – thủy sản (chủ yếu là khai thác, chế biến thủy sản) đạt 545 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 1.195 tỷ đồng; thu ngân sách đạt trên địa bàn đạt 336,24 tỷ đồng, chi ngân sách 222,6 tỷ đồng (riêng 09 tháng đầu năm 2016 thu ngân sách đạt 414,27 tỷ đồng, chi ngân sách 377,86 tỷ đồng); thu nhập bình quân đầu người đạt 52 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,24%; tỷ lệ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt 76%; các phố có nhà văn hóa đạt tỷ lệ 95%; thị xã đã hoàn thành phổ cập tiểu học, phổ cập

trung học cơ sở đạt 98,9%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,32%; trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đạt 100% và 100% trẻ dưới 06 tuổi được cấp thẻ khám chữa bệnh. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị trong những năm gần đây được tập trung đầu tư; nhiều dự án được khởi công xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng. Hiện nay trên địa bàn thị xã đang tiếp tục triển khai thực hiện một số dự án như: Khu nghỉ dưỡng quốc tế FLC (giai đoạn 2), Quốc lộ 47 kéo dài, Dự án đê kè biển chống sạt lở, Khu biệt thự cao cấp Hồng Thắng, Khu đô thị hai bên bờ sông Đơ, Khu dân cư Trung Mới, Khu tái định cư Hồng Thắng, Dự án cải tạo không gian du lịch phía đông đường Hồ Xuân Hương đã làm thay đổi căn bản đô thị Sầm Sơn, tạo thế và lực cho thị xã phát triển nhanh, bền vững trong thời gian tới.

Phát huy giá trị, lợi thế của một trong những bãi biển đẹp nhất cả nước, dãy núi Trường Lệ và hơn 16 di tích lịch sử đã được xếp hạng cấp quốc gia và tỉnh (Đền Độc Cước, Đền Cô Tiên ...); với việc đổi mới phương thức quản lý và tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho người dân và doanh nghiệp; công tác tuyên truyền, quảng bá về du lịch được quan tâm thực hiện; cùng với đó là việc đa dạng hóa các sản phẩm đã và đang thu hút đông đảo khách du lịch đến với Sầm Sơn (09 tháng đầu năm 2016, thị xã đã đón được 3,92 triệu lượt khách, phục vụ ăn nghỉ 7,81 triệu ngày khách, doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 2.770 tỷ đồng). Đặc biệt với việc đầu tư hàng nghìn tỷ đồng để xây dựng, cải tạo, chỉnh trang cơ sở hạ tầng đô thị cho phát triển du lịch; tình trạng du lịch 03 tháng trong năm từng bước được khắc phục; hình ảnh du lịch Sầm Sơn đã và đang tạo được hiệu ứng tích cực trong lòng du khách; diện mạo du lịch thay đổi theo hướng văn minh hiện đại; thương hiệu du lịch Sầm Sơn được nâng lên tầm cao mới.

Xây dựng và phát triển thị xã Sầm Sơn luôn là nhiệm vụ trọng tâm, được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã khẳng định xây dựng Sầm Sơn trở thành đô thị du lịch quốc gia; Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 – 2020, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 09/6/2011 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch xây dựng thị xã Sầm Sơn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã Sầm Sơn lần thứ XVI, cũng xác định ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng thị xã Sầm Sơn trở thành đô thị du lịch quốc gia; phát triển toàn diện của đô thị du lịch; trở thành một đô thị tương hỗ cho thành phố Thanh Hóa và Khu kinh tế Nghi Sơn; hình thành tam giác tăng trưởng thành phố Thanh Hóa – Sầm Sơn – Nghi Sơn; là động lực quan trọng phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Thanh Hóa và có tác động đến phát triển vùng Bắc Trung Bộ, Nam Bắc Bộ và cả nước; tạo tiền đề để có những đột phá trong phát triển kinh tế xã hội, xây dựng Sầm Sơn thành đô thị du lịch, nghỉ mát, có bản sắc, thương hiệu đẳng cấp quốc gia và quốc tế.

Như vậy, từ thực tiễn đến định hướng phát triển thị xã Sầm Sơn, có thể thấy du lịch chính là động lực cho phát triển đô thị, phát triển kinh tế xã hội; phát triển đô thị, phát triển kinh tế xã hội làm tiền đề cho phát triển của du lịch. Do đó, việc thành lập thành phố Sầm Sơn trên cơ sở nguyên trạng thị xã Sầm Sơn sẽ tạo sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư, là điều kiện để đưa thương hiệu du lịch Sầm Sơn lên tầm quốc gia và quốc tế; gắn du lịch Sầm Sơn với tên gọi Thành phố biển – Thành phố Sầm Sơn. Thành lập thành phố Sầm Sơn là thể hiện đầy đủ vị thế, thực tiễn phát triển sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu, tương xứng với vị trí và tiềm năng của thị xã Sầm Sơn; trở thành tiền đề và động lực cho phát triển của thị xã Sầm Sơn trong giai đoạn tới; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về mọi mặt; phù hợp với quy hoạch đã đề ra; đáp ứng được nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Thanh Hóa nói chung và nhân dân Sầm Sơn nói riêng.

## **II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC XÃ QUẢNG CƯ, QUẢNG CHÂU, QUẢNG THỌ, QUẢNG VINH THEO TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG VÀ THỊ XÃ SẦM SƠN THEO TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TỈNH**

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; trên cơ sở khảo sát, rà soát, đánh giá hiện trạng của các địa phương; các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh đạt các tiêu chuẩn của phường thuộc thành phố; thị xã Sầm Sơn đạt các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc tỉnh; cụ thể như sau:

### **1. Đánh giá thực trạng các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn theo tiêu chuẩn thành lập phường**

#### **1.1. Xã Quảng Cư:**

a) Quy mô dân số 11.403 người (9.148 người là dân số thường trú, 2.255 người là dân số quy đổi), đánh giá đạt (quy định từ 7.000 người trở lên);

b) Diện tích tự nhiên 642,81 ha (6,42 km<sup>2</sup>), đánh giá đạt (quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên);

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 03/03 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211;

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 12/12 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210.

#### **1.2. Xã Quảng Châu:**

a) Quy mô dân số 9.217 người (7.555 người là dân số thường trú, 1.662 người là dân số quy đổi), đánh giá đạt (quy định từ 7.000 người trở lên);

b) Diện tích tự nhiên 799,81 ha (7,99 km<sup>2</sup>), đánh giá đạt (quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên);

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 03/03 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211;

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 12/12 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210.

### 1.3. Xã Quảng Thọ:

a) Quy mô dân số 8.472 người (7.150 người là dân số thường trú, 1.322 người là dân số quy đổi), đánh giá đạt (quy định từ 7.000 người trở lên);

b) Diện tích tự nhiên 469,35 ha (4,69 km<sup>2</sup>), đánh giá đạt (quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên, tuy nhiên tại điểm c khoản 2 điều 31 Nghị quyết số 1211 quy định việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích);

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 03/03 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211;

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 12/12 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210.

### 1.4. Xã Quảng Vinh:

a) Quy mô dân số 10.300 người (8.273 người là dân số thường trú, 2.027 người là dân số quy đổi), đánh giá đạt (quy định từ 7.000 người trở lên);

b) Diện tích tự nhiên 473,64 ha (4,73 km<sup>2</sup>), đánh giá đạt (quy định từ 5,5 km<sup>2</sup> trở lên, tuy nhiên tại điểm c khoản 2 điều 31 Nghị quyết số 1211 quy định việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích);

c) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 02/03 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211 (chỉ có tiêu chuẩn hộ nghèo chưa đạt);

d) Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị đạt 12/12 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210.

## **2. Đánh giá thực trạng thị xã Sầm Sơn theo tiêu chuẩn thành lập thành phố trực thuộc tỉnh**

2.1. Quy mô dân số 150.902 người (96.359 người là dân số thường trú, 54.543 người là dân số quy đổi), đánh giá đạt (quy định từ 150.000 người trở lên);

2.2. Diện tích tự nhiên 4.494,24 ha (44,94 km<sup>2</sup>), đánh giá đạt (quy định từ 150 km<sup>2</sup> trở lên, tuy nhiên tại điểm c khoản 2 điều 31 Nghị quyết số 1211 quy định việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về diện tích);

### 2.3. Đơn vị hành chính trực thuộc đạt 02/02 tiêu chuẩn theo quy định:

Số đơn vị hành chính trực thuộc 11 đơn vị, đánh giá đạt (quy định từ 10 đơn vị trở lên, mặt khác tại điểm c khoản 2 điều 31 Nghị quyết số 1211 quy định việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở một đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn về số đơn vị hành chính trực thuộc).

Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã là 72,72%, đánh giá đạt (quy định từ 65% trở lên) (hiện tại thị xã Sầm Sơn có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 04 phường và 07 xã; sau khi thành lập 04 phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh, thị xã Sầm Sơn sẽ có 08 phường, tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính là  $08/11 = 72,72\%$ ).

2.4. Đã được cấp có thẩm quyền công nhận là đô thị loại III, đánh giá đạt (phạm vi ranh giới của 05 phường, xã thuộc thị xã Sầm Sơn trước khi mở rộng đã được công nhận là đô thị loại III theo Quyết định số 378/QĐ-BXD ngày 23/4/2012 của Bộ Xây dựng; đối với phạm vi ranh giới của 11 phường, xã thuộc thị xã Sầm Sơn sau khi mở rộng đã được rà soát, đánh giá đạt tiêu chuẩn là đô thị loại III và cũng trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp lần này, trên cơ sở đó sẽ hoàn tất hồ sơ, thủ tục đề nghị Bộ Xây dựng công nhận);

2.5. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 06/06 tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1211.

(Có phụ lục kèm theo)

## **III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP PHƯỜNG QUẢNG CƯ, QUẢNG CHÂU, QUẢNG THỌ, QUẢNG VINH VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ SẦM SƠN THUỘC TỈNH THANH HÓA**

### **1. Phương án thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh**

1.1. Thành lập phường Quảng Cư trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của xã Quảng Cư.

Phường Quảng Cư có diện tích tự nhiên 642,81 ha; dân số 11.403 người; gồm 10 phố: Thành Thắng, Quang Vinh, Cường Thịnh, Thanh Thái, Công Vinh, Hồng Thắng, Thu Hào, Trung Chính, Minh Cát, Tiến Lợi.

Địa giới hành chính phường Quảng Cư: Bắc giáp huyện Hoằng Hóa; Nam giáp phường Trung Sơn; Đông giáp biển Đông; Tây giáp phường Quảng Tiến.

1.2. Thành lập phường Quảng Châu trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của xã Quảng Châu.

Phường Quảng Châu có diện tích tự nhiên 799,81 ha; dân số 9.217 người; gồm 13 phố: Châu Bình, Châu An, Châu Thành, Châu Chính, Yên Trạch, Kiều Đại 1,

Kiều Đại 2, Kiều Đại 3, Xuân Phương 1, Xuân Phương 2, Xuân Phương 3, Châu Lộc, Châu Giang.

Địa giới hành chính phường Quảng Châu: Bắc giáp huyện Hoàng Hoá; Nam giáp phường Quảng Vinh; Đông giáp các phường Trường Sơn, Bắc Sơn, Trung Sơn, Quảng Tiến; Tây giáp phường Quảng Thọ.

1.3. Thành lập phường Quảng Thọ trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của xã Quảng Thọ.

Phường Quảng Thọ có diện tích tự nhiên 469,35 ha; dân số 8.472 người; gồm 14 phố: Thọ Văn, Thọ Phú, Thọ Trại, Thọ Đồn, Thọ Kinh, Thọ Trung, Thọ Thông, Thọ Khang, Thọ Thái, Thọ Vinh, Thọ Phúc, Thọ Trúc, Thọ Đài, Thọ Mới.

Địa giới hành chính phường Quảng Thọ: Bắc giáp huyện Hoàng Hóa; Nam giáp phường Quảng Vinh; Đông giáp phường Quảng Châu; Tây giáp thành phố Thanh Hóa.

1.4. Thành lập phường Quảng Vinh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của xã Quảng Vinh.

Phường Quảng Vinh có diện tích tự nhiên 473,64 ha; dân số 10.300 người; gồm 15 phố: Thanh Minh 1, Thanh Minh 2, Thanh Minh 3, Thanh Minh 4, Thanh Minh 5, Đông Bắc 1, Đông Bắc 2, Đông Bắc 3, Đông Bắc 4, Đông Bắc 5, Thống Nhất 1, Thống Nhất 2, Thống Nhất 3, Thống Nhất 4, Thống Nhất 5.

Địa giới hành chính phường Quảng Vinh: Bắc giáp các phường Quảng Châu, Quảng Thọ; Nam giáp xã Quảng Hùng; Đông giáp phường Trường Sơn và Biển Đông; Tây giáp xã Quảng Minh và thành phố Thanh Hóa.

## **2. Phương án thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa**

Thành lập thành phố Sầm Sơn trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và dân số của thị xã Sầm Sơn.

Thành phố Sầm Sơn có diện tích tự nhiên 4.494,24 ha; dân số 150.902 người; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 08 phường: Bắc Sơn, Trung Sơn, Trường Sơn, Quảng Tiến, Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh và 03 xã: Quảng Minh, Quảng Hùng, Quảng Đại.

Địa giới hành chính thành phố Sầm Sơn: Bắc giáp huyện Hoàng Hoá; Nam giáp huyện Quảng Xương; Tây giáp huyện Quảng Xương và thành phố Thanh Hóa; Đông giáp Biển Đông.

## **IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Sự phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hoá và việc mở rộng không gian đô thị đã có những tác động nhiều mặt đến các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh; làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải thành lập phường để đáp ứng



yêu cầu phát triển và quản lý đô thị. Thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng các xã vùng ngoại thị; sắp xếp hợp lý nguồn lao động, tạo ra động lực cho phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo an ninh - quốc phòng.

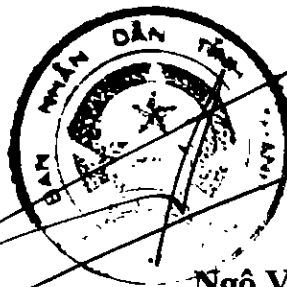
Sầm Sơn là đô thị động lực, trung tâm thương mại dịch vụ, du lịch, thương mại của tỉnh Thanh Hoá và vùng Bắc Trung bộ, có tầm quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thành lập thành phố Sầm Sơn là cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ đưa Sầm Sơn trở thành đô thị du lịch trọng điểm của quốc gia; tạo tiền đề cho phát triển kinh tế, phát triển du lịch; đáp ứng nguyện vọng của đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Thanh Hóa nói chung và nhân dân Sầm Sơn nói riêng.

Trên đây là nội dung thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Văn Tuấn**

**PHỤ LỤC 01**

**CƠ CẤU, TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HỆ THỐNG CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ  
THEO TIÊU CHUẨN PHƯỜNG CỦA CÁC XÃ QUẢNG CƯ, QUẢNG CHÂU, QUẢNG THỌ, QUẢNG VINH**

*(Kèm theo Tờ trình số: 178 /TTr-UBND ngày 31 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| TT       | Tiêu chuẩn  | Đơn vị tính           | Quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
|----------|---|-----------------------|----------|------------|----------|
| <b>I</b> | <b>Xã Quảng Cư</b>                                    |                       |          |            |          |
| <b>1</b> | <b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b> |                       |          |            |          |
| (1)      | Cân đối thu chi ngân sách                             | tỷ đồng               | Đủ       | Cân đối dư | Đạt      |
| (2)      | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất              | %                     | 9,7      | 9,37       | Đạt      |
| (3)      | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp                        | %                     | 80       | 81,86      | Đạt      |
| <b>2</b> | <b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>                  |                       |          |            |          |
| (1)      | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở    | m <sup>2</sup> /người | ≥ 2,7    | 2,85       | Đạt      |
| (2)      | Trạm y tế (≥ 500 m <sup>2</sup> /trạm)                | trạm/5.000 người      | ≥ 1      | 1          | Đạt      |
| (3)      | Sân luyện tập (≥ 3.000 m <sup>2</sup> )               | m <sup>2</sup> /người | ≥ 0,5    | 1,12       | Đạt      |
| (4)      | Chợ hoặc siêu thị                                     | công trình            | ≥ 1      | 1          | Đạt      |
| (5)      | Đất cây xanh sử dụng công cộng                        | m <sup>2</sup> /người | ≥ 2      | 24,2       | Đạt      |
| (6)      | Diện tích đất giao thông tính trên dân số             | m <sup>2</sup> /người | ≥ 9      | 64,3       | Đạt      |
| (7)      | Cấp điện sinh hoạt                                    | kwh/người/năm         | ≥ 500    | 565        | Đạt      |

| TT        | Tiêu chuẩn   | Đơn vị tính           | Quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
|-----------|--|-----------------------|----------|------------|----------|
| (8)       | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng                    | %                     | ≥ 95     | 100        | Đạt      |
| (9)       | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh             | %                     | ≥ 95     | 100        | Đạt      |
| (10)      | Mật độ đường cống thoát nước chính                       | km/km <sup>2</sup>    | ≥ 3,5    | 3,7        | Đạt      |
| (11)      | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | %                     | ≥ 25     | 35         | Đạt      |
| (12)      | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom               | %                     | ≥ 80     | 85         | Đạt      |
| <b>II</b> | <b>Xã Quảng Châu</b>                                     |                       |          |            |          |
| <b>1</b>  | <b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>    |                       |          |            |          |
| (1)       | Cân đối thu chi ngân sách                                | tỷ đồng               | Đủ       | Cân đối dư | Đạt      |
| (2)       | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất                 | %                     | 9,7      | 4,94       | Đạt      |
| (3)       | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp                           | %                     | 80       | 80,17      | Đạt      |
| <b>2</b>  | <b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>                     |                       |          |            |          |
| (1)       | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở       | m <sup>2</sup> /người | ≥ 2,7    | 2,8        | Đạt      |
| (2)       | Trạm y tế (≥ 500 m <sup>2</sup> /trạm)                   | trạm/5.000 người      | ≥ 1      | 1          | Đạt      |
| (3)       | Sân luyện tập (≥ 3.000 m <sup>2</sup> )                  | m <sup>2</sup> /người | ≥ 0,5    | 3,385      | Đạt      |
| (4)       | Chợ hoặc siêu thị  | công trình            | ≥ 1      | 1          | Đạt      |
| (5)       | Đất cây xanh sử dụng công cộng                           | m <sup>2</sup> /người | ≥ 2      | 25,3       | Đạt      |

| TT         | Tiêu chuẩn   | Đơn vị tính           | Quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
|------------|--|-----------------------|----------|------------|----------|
| (6)        | Diện tích đất giao thông tính trên dân số                | m <sup>2</sup> /người | ≥ 9      | 113        | Đạt      |
| (7)        | Cấp điện sinh hoạt                                       | kwh/người/năm         | ≥ 500    | 527        | Đạt      |
| (8)        | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng                    | %                     | ≥ 95     | 100        | Đạt      |
| (9)        | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh             | %                     | ≥ 95     | 100        | Đạt      |
| (10)       | Mật độ đường cống thoát nước chính                       | km/km <sup>2</sup>    | ≥ 3,5    | 6,71       | Đạt      |
| (11)       | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | %                     | ≥ 25     | 35         | Đạt      |
| (12)       | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom               | %                     | ≥ 80     | 80         | Đạt      |
| <b>III</b> | <b>Xã Quảng Thọ</b>                                      |                       |          |            |          |
| <b>1</b>   | <b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>    |                       |          |            |          |
| (1)        | Cân đối thu chi ngân sách                                | tỷ đồng               | Đủ       | Cân đối dư | Đạt      |
| (2)        | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất                 | %                     | 9,7      | 5,63       | Đạt      |
| (3)        | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp                           | %                     | 80       | 80,9       | Đạt      |
| <b>2</b>   | <b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>                     |                       |          |            |          |
| (1)        | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở       | m <sup>2</sup> /người | ≥ 2,7    | 6,13       | Đạt      |
| (2)        | Trạm y tế (≥ 500 m <sup>2</sup> /trạm)                   | trạm/5.000 người      | ≥ 1      | 1          | Đạt      |
| (3)        | Sân luyện tập (≥ 3.000 m <sup>2</sup> )                  | m <sup>2</sup> /người | ≥ 0,5    | 0,53       | Đạt      |

| TT        | Tiêu chuẩn   | Đơn vị tính           | Quy định   | Hiện trạng | Đánh giá |
|-----------|--|-----------------------|------------|------------|----------|
| (4)       | Chợ hoặc siêu thị  | công trình            | $\geq 1$   | 1          | Đạt      |
| (5)       | Đất cây xanh sử dụng công cộng                           | m <sup>2</sup> /người | $\geq 2$   | 26,5       | Đạt      |
| (6)       | Diện tích đất giao thông tính trên dân số                | m <sup>2</sup> /người | $\geq 9$   | 76,91      | Đạt      |
| (7)       | Cấp điện sinh hoạt                                       | kwh/người/năm         | $\geq 500$ | 519        | Đạt      |
| (8)       | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng                    | %                     | $\geq 95$  | 100        | Đạt      |
| (9)       | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh             | %                     | $\geq 95$  | 100        | Đạt      |
| (10)      | Mật độ đường cống thoát nước chính                       | km/km <sup>2</sup>    | $\geq 3,5$ | 9,53       | Đạt      |
| (11)      | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | %                     | $\geq 25$  | 40         | Đạt      |
| (12)      | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom               | %                     | $\geq 80$  | 80         | Đạt      |
| <b>IV</b> | <b>Xã Quảng Vinh</b>                                     |                       |            |            |          |
| <b>1</b>  | <b>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</b>    |                       |            |            |          |
| (1)       | Cân đối thu chi ngân sách                                | tỷ đồng               | Đủ         | Cân đối dư | Đạt      |
| (2)       | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất                 | %                     | 9,7        | 16,92      | Chưa đạt |
| (3)       | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp                           | %                     | 80         | 81         | Đạt      |
| <b>2</b>  | <b>Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị</b>                     |                       |            |            |          |
| (1)       | Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở       | m <sup>2</sup> /người | $\geq 2,7$ | 2,8        | Đạt      |

| TT   | Tiêu chuẩn   | Đơn vị tính               | Quy định   | Hiện trạng | Đánh giá |
|------|--|---------------------------|------------|------------|----------|
| (2)  | Trạm y tế ( $\geq 500 \text{ m}^2/\text{trạm}$ )         | trạm/5.000 người          | $\geq 1$   | 1          | Đạt      |
| (3)  | Sân luyện tập ( $\geq 3.000 \text{ m}^2$ )               | $\text{m}^2/\text{người}$ | $\geq 0,5$ | 1,1        | Đạt      |
| (4)  | Chợ hoặc siêu thị  | công trình                | $\geq 1$   | 1          | Đạt      |
| (5)  | Đất cây xanh sử dụng công cộng                           | $\text{m}^2/\text{người}$ | $\geq 2$   | 20         | Đạt      |
| (6)  | Diện tích đất giao thông tính trên dân số                | $\text{m}^2/\text{người}$ | $\geq 9$   | 55         | Đạt      |
| (7)  | Cấp điện sinh hoạt                                       | kwh/người/năm             | $\geq 500$ | 560        | Đạt      |
| (8)  | Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng                    | %                         | $\geq 95$  | 100        | Đạt      |
| (9)  | Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh             | %                         | $\geq 95$  | 100        | Đạt      |
| (10) | Mật độ đường cống thoát nước chính                       | $\text{km}/\text{km}^2$   | $\geq 3,5$ | 3,6        | Đạt      |
| (11) | Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật | %                         | $\geq 25$  | 30         | Đạt      |
| (12) | Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom               | %                         | $\geq 80$  | 80         | Đạt      |



## PHỤ LỤC 02

### CƠ CẤU VÀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ CỦA THỊ XÃ SẦM SƠN

(Kèm theo Tờ trình số : 178 /TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Tiêu chuẩn   | Đơn vị tính | Quy định | Hiện trạng | Đánh giá |
|----|--|-------------|----------|------------|----------|
| 1  | Cân đối thu chi ngân sách                                    | tỷ đồng     | Dư       | Cân đối dư | Đạt      |
| 2  | Thu nhập bình quân đầu người so với cả nước                  | triệu đồng  | 45,7     | 52         | Đạt      |
| 3  | Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 03 năm gần nhất           | %           | 11,8     | 18,8       | Đạt      |
| 4  | Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất                     | %           | 9,88     | 9,7        | Đạt      |
| 5  | Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế | %           | 80       | 88,4       | Đạt      |
| 6  | Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thành                     | %           | 80       | 81,59      | Đạt      |

Số: /2016/NQ-HĐND Thanh Hoá, ngày tháng năm 2016

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc đề nghị thành lập**  
**các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh**  
**thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**  
**KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;*

*Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số...../HĐND-PC ngày ...../...../2016 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đề nghị thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống cơ sở hạ tầng của các xã, cụ thể như sau:

1. Phường Quảng Cư có diện tích tự nhiên 642,81 ha; dân số 11.403 người; địa giới hành chính phường Quảng Cư: Bắc giáp huyện Hoằng Hóa; Nam giáp phường Trung Sơn; Đông giáp biển Đông; Tây giáp phường Quảng Tiến.

2. Phường Quảng Châu có diện tích tự nhiên 799,81 ha; dân số 9.217 người; địa giới hành chính phường Quảng Châu: Bắc giáp huyện Hoằng Hoá; Nam giáp phường Quảng Vinh; Đông giáp các phường Trường Sơn, Bắc Sơn, Trung Sơn, Quang Tiến; Tây giáp phường Quảng Thọ.



3. Phường Quảng Thọ có diện tích tự nhiên 469,35 ha; dân số 8.472 người; địa giới hành chính phường Quảng Thọ: Bắc giáp huyện Hoằng Hóa; Nam giáp phường Quảng Vinh; Đông giáp phường Quảng Châu; Tây giáp thành phố Thanh Hóa.

4. Phường Quảng Vinh có diện tích tự nhiên 473,64 ha; dân số 10.300 người; địa giới hành chính phường Quảng Vinh: Bắc giáp các phường Quảng Châu, Quảng Thọ; Nam giáp xã Quảng Hùng; Đông giáp phường Trường Sơn và Biển Đông; Tây giáp xã Quảng Minh và thành phố Thanh Hóa.

**Điều 2.** Đề nghị thành lập thành phố Sầm Sơn trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên, dân số, đơn vị hành chính trực thuộc, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Sầm Sơn.

Thành phố Sầm Sơn có diện tích tự nhiên 4.494,24 ha; dân số 150.902 người; có 11 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 08 phường: Bắc Sơn, Trung Sơn, Trường Sơn, Quảng Tiến, Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh và 03 xã: Quảng Minh, Quảng Hùng, Quảng Đại.

Địa giới hành chính thành phố Sầm Sơn: Bắc giáp huyện Hoằng Hoá; Nam giáp huyện Quảng Xương; Tây giáp huyện Quảng Xương và thành phố Thanh Hóa; Đông giáp Biển Đông.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, hoàn chỉnh hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa Khoá XVII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày .....tháng.....năm 2016 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng.....năm 2016./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng QH, Văn phòng CP, VP Chủ tịch nước;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Trịnh Văn Chiến**

Số: 403 /BCTĐ-STP

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 11 năm 2016

## BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết về việc thông qua Đề án thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa**

Kính gửi: Sở Xây dựng.

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 6800/SXD-BQH ngày 24/11/2016 của Sở Xây dựng về việc đề nghị thẩm định dự thảo "Nghị quyết thông qua Đề án thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa". Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết, căn cứ quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến báo cáo thẩm định như sau:

### 1. Thẩm quyền ban hành văn bản:

Theo quy định của pháp luật thì HĐND tỉnh ban hành "Nghị quyết thông qua Đề án thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa" là phù hợp và đúng thẩm quyền.

### 2. Nội dung văn bản:

Dự thảo Nghị quyết đã thể hiện cụ thể về: Thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

### 3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản:


Dự thảo Nghị quyết bảo đảm về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của pháp luật.

### 4. Ý kiến của cơ quan thẩm định:

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình HĐND tỉnh thông qua./.

#### Nơi nhận:

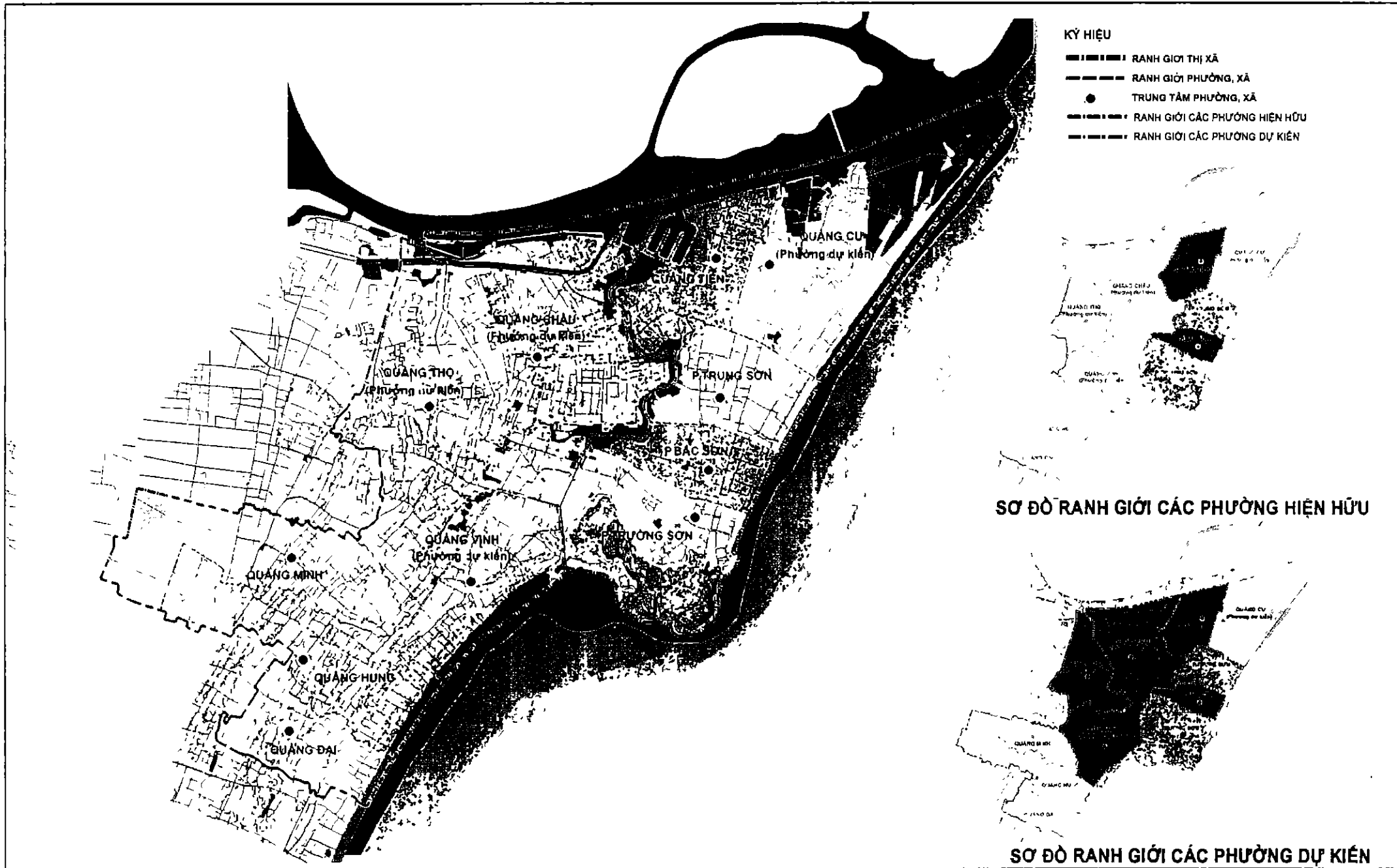
- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- PGĐ phụ trách;
- Lưu VT, XDVB.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Lê Hữu Viên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

ĐỀ ÁN THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG: QUANG CỤ, QUANG CHÂU, QUANG THO, QUANG VINH THUỘC THỊ XÃ SÂM SƠN  
VÀ THÀNH LẬP THÀNH PHỐ SÂM SƠN THUỘC TỈNH THANH HÓA

# SƠ ĐỒ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 108 /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 11 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả lấy ý kiến cử tri về thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Thông báo số 4175/TB-BNV ngày 06/9/2016 của Bộ Nội vụ đồng ý chủ trương thành lập các phường thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả lấy ý kiến cử tri về thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn; cụ thể như sau:

#### **I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Sau khi được Bộ Nội vụ chấp thuận về chủ trương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân thị xã Sầm Sơn và các đơn vị liên quan hoàn thành việc xây dựng Đề án thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn; đảm bảo nội dung, bố cục theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 1211. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân thị xã Sầm Sơn xây dựng kế hoạch thực hiện; hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền; tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ công tác lấy ý kiến cử tri cho cán bộ, công chức các xã, phường trên địa bàn thị xã; chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, kinh phí, hệ thống bảng biểu, biên bản và phiếu lấy ý kiến cử tri.

Ủy ban nhân dân các xã, phường đã hoàn thành việc lập danh sách cử tri theo địa bàn của 118 thôn, tổ dân phố và niêm yết công khai danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, nhà văn hóa các thôn, tổ dân phố. Theo đó, có 26.605 cử tri cư trú tại các xã Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh trong danh sách lấy ý kiến về thành lập phường và 74.372 cử tri cư trú tại 11 xã, phường trong danh sách lấy ý kiến về thành lập thành phố Sầm Sơn. Cùng với đó, Ủy ban nhân dân các xã, phường đã chủ động phổ biến, tuyên truyền, công khai các nội dung của Đề án thành lập phường và thành lập thành phố để nhân dân trên địa bàn biết và tham gia ý

kiến theo quy định tại điều 5, điều 19 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn; cũng như thông tin đầy đủ, kịp thời về cách thức lấy ý kiến nhân dân, thời gian, địa điểm phát phiếu lấy ý kiến nhân dân.

## II. KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI

Đến ngày 25/11/2016, Ủy ban nhân dân thị xã Sầm Sơn và Ủy ban nhân dân tất cả các xã, phường đã hoàn thành việc phát phiếu lấy ý kiến cử tri địa phương tại 118/118 thôn, tổ dân phố, theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; kết quả cụ thể như sau:

### 1. Đối với thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh

Tổng số cử tri trong danh sách 26.605 cử tri;

Số cử tri tham gia lấy ý kiến 26.083 cử tri đạt 98,04% tổng số cử tri;

Số cử tri đồng ý thành lập phường 24.536 cử tri đạt 92,22% tổng số cử tri (tại mỗi xã, tổng số cử tri tham gia lấy ý kiến đồng ý thành lập phường đều đạt trên 50%);

Số cử tri không đồng ý thành lập phường 1.375 cử tri đạt 5,17% tổng số cử tri.

### 2. Đối với thành lập thành phố Sầm Sơn

Tổng số cử tri trong danh sách 74.372 cử tri;

Số cử tri tham gia lấy ý kiến 71.941 cử tri đạt 96,73% tổng số cử tri;

Số cử tri đồng ý thành lập thành phố 68.310 cử tri đạt 91,85% tổng số cử tri;

Số cử tri không đồng ý thành lập thành phố 3.408 cử tri đạt 4,58% tổng cử tri.

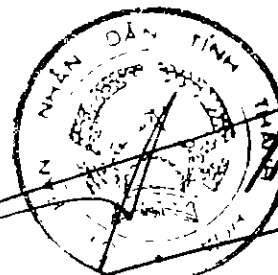
(Có biểu tổng hợp kèm theo)

Trên đây là kết quả lấy ý kiến cử tri về thành lập các phường Quảng Cư, Quảng Châu, Quảng Thọ, Quảng Vinh thuộc thị xã Sầm Sơn và thành lập thành phố Sầm Sơn; Ủy ban nhân dân tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

#### Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (để b/c);
- TT Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn

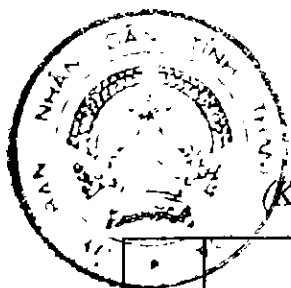


## PHỤ LỤC 1

### TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI VỀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG QUẢNG CỬ, QUẢNG CHÂU, QUẢNG THỌ, QUẢNG VINH

(Kèm theo Báo cáo số: 108 /BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT          | Xã            | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ        | Số cử tri đồng ý thành lập phường | Tỷ lệ        | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ       | Ghi chú |
|-------------|---------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------|-----------------------------------|--------------|------------------------|-------------|---------|
| 1           | Xã Quảng Cư   | 6,814                       | 6,638                         | 97.42        | 6,149                             | 90.24        | 423                    | 6.21        |         |
| 2           | Xã Quảng Châu | 6,408                       | 6,360                         | 99.25        | 6,240                             | 97.38        | 104                    | 1.62        |         |
| 3           | Xã Quảng Thọ  | 6,135                       | 5,975                         | 97.39        | 5,810                             | 94.70        | 155                    | 2.53        |         |
| 4           | Xã Quảng Vinh | 7,248                       | 7,110                         | 98.10        | 6,337                             | 87.43        | 693                    | 9.56        |         |
| <b>Tổng</b> |               | <b>26,605</b>               | <b>26,083</b>                 | <b>98.04</b> | <b>24,536</b>                     | <b>92.22</b> | <b>1,375</b>           | <b>5.17</b> |         |



**PHỤ LỤC 2**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI VỀ THÀNH LẬP**  
**THÀNH PHỐ SÂM SƠN THUỘC TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Báo cáo số : 108 /BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT          | Xã, phường        | Tổng số cử tri trên địa bàn | Số cử tri tham gia lấy ý kiến | Tỷ lệ        | Số cử tri đồng ý thành lập thành phố | Tỷ lệ        | Số cử tri không đồng ý | Tỷ lệ       | Ghi chú |
|-------------|-------------------|-----------------------------|-------------------------------|--------------|--------------------------------------|--------------|------------------------|-------------|---------|
| 1           | Phường Trường Sơn | 8,884                       | 8,493                         | 95.60        | 7,941                                | 89.39        | 527                    | 5.93        |         |
| 2           | Phường Bắc Sơn    | 6,209                       | 5,838                         | 94.02        | 5,637                                | 90.79        | 201                    | 3.24        |         |
| 3           | Phường Trung Sơn  | 10,103                      | 9,912                         | 98.11        | 9,596                                | 94.98        | 316                    | 3.13        |         |
| 4           | Phường Quảng Tiến | 10,372                      | 9,579                         | 92.35        | 9,170                                | 88.41        | 407                    | 3.92        |         |
| 5           | Xã Quảng Cư       | 6,814                       | 6,638                         | 97.42        | 6,242                                | 91.61        | 330                    | 4.84        |         |
| 6           | Xã Quảng Châu     | 6,408                       | 6,360                         | 99.25        | 6,259                                | 97.67        | 87                     | 1.36        |         |
| 7           | Xã Quảng Thọ      | 6,135                       | 5,975                         | 97.39        | 5,790                                | 94.38        | 174                    | 2.84        |         |
| 8           | Xã Quảng Vinh     | 7,248                       | 7,110                         | 98.10        | 6,292                                | 86.81        | 725                    | 10.00       |         |
| 9           | Xã Quảng Minh     | 3,318                       | 3,278                         | 98.79        | 3,062                                | 92.28        | 206                    | 6.21        |         |
| 10          | Xã Quảng Hùng     | 4,300                       | 4,254                         | 98.93        | 4,113                                | 95.65        | 139                    | 3.23        |         |
| 11          | Xã Quảng Đại      | 4,581                       | 4,504                         | 98.32        | 4,208                                | 91.86        | 296                    | 6.46        |         |
| <b>Tổng</b> |                   | <b>74,372</b>               | <b>71,941</b>                 | <b>96.73</b> | <b>68,310</b>                        | <b>91.85</b> | <b>3,408</b>           | <b>4.58</b> |         |